

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 379/2024/TLST - DS ngày 08 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Long P.

Địa chỉ: Số 26A, đường Hoàng Văn Thụ, phường Cam Ly - Đà Lạt (cũ là Phường 5, thành phố Đà Lạt), tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền cho ông P: Anh Nguyễn Minh D, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Số 28 đường Đào Duy Từ, phường X (cũ là Phường D, thành phố Đ), tỉnh L (Theo giấy uỷ quyền số 521, quyền số 01/2024 - SCTTP/CK, CĐ ngày 10/7/2024 và Hợp đồng uỷ quyền số 4265, quyền số 4/2024TP/CC - SCC/HĐGD ngày 06/12/2024).

Bị đơn: Bà Đỗ Thị T.

Địa chỉ: Tổ 19 An Sơn, phường X (cũ là Phường D, thành phố Đ), tỉnh L

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà T: Chị Võ Minh T, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Số 11A đường Trần Lê, phường X (cũ là Phường D, thành phố Đ), tỉnh L (Theo hợp đồng uỷ quyền số 9344, quyền số 11/2024 TP/CC - SCC/HĐGD ngày 28/11/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Tổ 19, đường An Sơn, phường X (cũ là Phường D, thành phố Đ), tỉnh L.

2/Ông Vũ Xuân Khánh, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Tổ 19, đường An Sơn, phường X (cũ là Phường D, thành phố Đ), tỉnh L.

3/Bà Lê Thị Tuyết L, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Tổ 19, đường An Sơn, phường X (cũ là Phường D, thành phố Đ), tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Đỗ Thị T (ủy quyền cho chị Võ Minh T) thỏa thuận thống nhất đồng ý có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Long P số tiền còn nợ là 3.100.000.000đ (*Ba tỷ một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân năm 2015.

Ông Nguyễn Long P (ủy quyền cho anh Nguyễn Minh D) thống nhất thỏa thuận có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị T 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 391578 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/5/2019 cho bà Đỗ Thị T cùng sử dụng với ông (bà) Bùi Thị Lộc, Vũ Xuân Khánh, Lê Thị Tuyết Lan mà hiện nay ông P đang giữ do bà Đỗ Thị T đã thế chấp cho ông P trong quá trình vay tiền.

Về án phí: Ông Nguyễn Long P chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 57.462.000đ ông P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001409 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Lâm Đồng), hoàn trả lại cho ông P số tiền tạm ứng án phí còn lại là 57.162.000đ (*Năm mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai triệu đồng*).

Bà Đỗ Thị T chịu 47.000.000đ (*Bốn mươi bảy triệu đồng*) án phí dân sự theo quy định, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001931 ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Lâm Đồng), bà T còn phải nộp 46.700.000đ (*Bốn mươi sáu triệu bảy trăm ngàn đồng*) án phí dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND Khu vực 1 - L;
- Phòng THADS Khu vực 1 - L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Thị Lan